

Số: 97/2022/QĐST- DS

G, ngày 21 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**

Trụ sở: Số 25 T, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T1 – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị H1 – Phó Giám đốc Khối

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Lê Văn H2, ông Nguyễn Chiến T2

(*Văn bản uỷ quyền số 20149/2021/UQ-Seabank ngày 28/12/2021*)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy T3**, sinh năm 1989

Bà **Lương Thị H3**, sinh năm: 1990

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn D, xã D2, huyện G, Thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Duy T4**, sinh năm 1965

2. Bà **Đặng Thị H4**, sinh năm: 1968

3. Cháu **Nguyễn Thị Thanh H5**, sinh năm: 2012

4. Cháu **Nguyễn Duy Bảo L**, sinh năm: 2015

5. Cháu **Nguyễn Duy Bảo P1**, sinh năm: 2020

Người đại diện hợp pháp của cháu H5, cháu L, cháu P1 là anh Nguyễn Duy T3 và chị Lương Thị H3

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn D, xã D2, huyện G, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thống nhất xác nhận:

Tính đến ngày 12/7/2022, ông Nguyễn Duy T3 và bà Lương Thị H3 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền theo các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Cụ thể là: Số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay từng lần số REF2011100167/HDTD/HNF-NVT ký ngày 18/05/2020 là 1.005.777.865 đồng (Nợ gốc: 884.735.243 đồng, nợ lãi trong hạn 106.498.924 đồng, nợ lãi quá hạn 14.543.698 đồng); Số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2033000230/HDHMTCHNF-NVT ký ngày 26/11/2020 là 198.252.008 đồng (Nợ gốc: 174.381.892 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.051.501 đồng, nợ lãi quá hạn: 20.818.615 đồng); Số tiền còn nợ của Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ tín dụng VISA) ngày 15/04/2020 là 856.600 đồng (Nợ gốc: 764.749 đồng, nợ lãi trong hạn: 0 đồng, nợ lãi quá hạn: 91.851 đồng).

Tính đến ngày 12/7/2021, tổng số tiền ông Nguyễn Duy T3 và bà Lương Thị H3 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ là **1.204.886.473 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm linh tư triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng*). Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.059.881.884 đồng, nợ lãi trong hạn 109.550.425 đồng, nợ lãi quá hạn: 35.454.164 đồng

Kể từ ngày 13.7.2022, ông Nguyễn Duy T3 và bà Lương Thị H3 tiếp tục phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số nợ chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2011100167/HDTD/HNF-NVT ký ngày 18/05/2020; Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2033000230/HDHMTCHNF-NVT ký ngày 26/11/2020 và Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ tín dụng VISA) ngày 15/04/2020

2.2. Phương thức thanh toán:

Các đương sự thống nhất để ông Nguyễn Duy T3 và bà Lương Thị H3 được trả nợ dần trong thời gian 05 tháng, kể từ ngày 13/7/2022 đến hết ngày 31/12/2022 theo kế hoạch trả nợ như sau:

+ Từ 13/7/2022 đến ngày 31/11/2022 mỗi tháng thanh toán 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn*) vào nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng.

+ Từ ngày 01/12/2022 đến hết ngày 31/12/2022 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cùng cùng toàn bộ tiền lãi quá hạn trên số nợ chưa thanh toán tính từ ngày 13/7/2022 cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Khi thanh toán nợ, sẽ trừ hết vào nợ gốc trước, trừ vào nợ lãi sau.

Địa điểm thanh toán: tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Hình thức thanh toán: thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Duy T3 và bà Lương Thị H3 vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 71(2), tờ bản đồ số 19, thôn D, xã D2, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 002509 do Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/09/2005 cho ông Nguyễn Duy T4 và bà Đặng Thị H4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2011100167/HDTC/HNF-NVT ngày 18/05/2020 tại Văn phòng Công chứng N, thành phố Hà Nội. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay

Khi xử lý tài sản thế chấp, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2.4 Trong trường hợp nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì ông Nguyễn Duy T3 và bà Lương Thị H3 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Duy T3 và bà Lương Thị H3 tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Số tiền án phí là: 24.073.297 đồng Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.897.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2020/0073033, ngày 13/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện G
- Chi cục THADS huyện G
- TANDTP. HN
- Lưu hồ sơ vụ án

Thẩm phán

Thái Thị Hà Thu

